

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 3674/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 09/8/2024
V/v "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ ĐỨC - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lê Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Chu Mạnh Tường

2/ Ông Lê Văn Lý

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ánh Linh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Võ Cao Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 3004/2023/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 12 năm 2023, về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 5633/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Bà Lê Thị Ngọc C - sinh năm 1986

Căn cước công dân số xxxxxxxxx972 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 20/12/2021

Thường trú: số C Đường I, Khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh. (có đơn yêu cầu vắng mặt)

2/ Bị đơn: Ông Sơn Ngọc T - sinh năm 1987

Chứng minh nhân dân số xxxxxxxxx

Thường trú: số H đường T, Khu phố C, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tạm trú: số C Đường I, Khu phố F, phường H, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và lời trình bày của bà Lê Thị Ngọc C trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa:

Bà và ông Sơn Ngọc T tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2010, có tổ chức hỏi cưới, đăng ký kết hôn năm 2011 tại Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh. Trong quá trình chung sống, đến năm 2022 giữa ông bà phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T có những lời nói xúc phạm cha mẹ bà và xúc phạm bà. Nay do không hàn gắn được mâu thuẫn, bà đã suy nghĩ kỹ và xác định tình cảm vợ chồng không còn, cuộc sống chung không hạnh phúc nên bà yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 02 con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và Sơn Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017. Sau khi ly hôn, bà yêu cầu trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng 02 con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

Ngày 23/7/2024, bà Lê Thị Ngọc C có đơn yêu cầu vắng mặt trong quá trình tố tụng giải quyết vụ án.

Ông Sơn Ngọc T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải và giấy triệu tập tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến: Về tố tụng: việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án có vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về việc ly hôn nên căn cứ khoản 1 Điều

28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Theo kết quả xác minh của Công an phường H, thành phố T thì ông Sơn Ngọc T cư trú tại thành phố T nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Bà Lê Thị Ngọc C có đơn yêu cầu vắng mặt, ông Sơn Ngọc T đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do, căn cứ quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với các đương sự.

[3] Về hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc C và ông Sơn Ngọc T tự nguyện kết hôn và chung sống với nhau theo giấy chứng nhận kết hôn số 45, quyền số 01/2011 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 01/4/2011. Do đó, hôn nhân của ông bà là hợp pháp và được pháp luật công nhận. Nay bà Lê Thị Ngọc C nộp đơn yêu cầu ly hôn với ông Sơn Ngọc T, trong quá trình giải quyết vụ án bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn.

Xét yêu cầu ly hôn của bà C: Bà C và ông T kết hôn hợp pháp, theo bà C trình bày mâu thuẫn vợ chồng phát sinh do bất đồng quan điểm, thường xuyên xảy ra tranh cãi, ông T có những lời nói xúc phạm cha mẹ bà và xúc phạm bà. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tình trạng hôn nhân của bà C, ông T tại Ủy ban nhân dân phường H và được phúc đáp tại văn bản số 280/UBND ngày 03/5/2024 với nội dung do không nhận được đơn kiến nghị hoặc thông tin phản ánh nên Ủy ban nhân dân phường không có cơ sở để cung cấp thông tin. Xét thấy, để duy trì cuộc sống gia đình hạnh phúc thì cả hai vợ chồng cần có sự tôn trọng, thương yêu, chia sẻ với nhau, cả hai đều cùng có mong muốn xây dựng gia đình chung sống cùng nhau. Tuy nhiên, quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến của ông T. Trong khi đó, bà C kiên quyết yêu cầu ly hôn. Như vậy, có căn cứ xác định quan hệ hôn nhân giữa bà C và ông T đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận.

[4] Về con chung: Căn cứ vào giấy khai sinh số 170, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân phường H, Quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/6/2012 cho Sơn Lê Bình M, giấy khai sinh số 197 do Ủy ban nhân dân phường H, quận I (nay là thành phố T), Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/8/2017 cho S Lê Thành Đ có căn cứ xác định bà Lê Thị Ngọc C và ông Sơn Ngọc T có 02 con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và Sơn Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017.

Xét yêu cầu của bà C về việc nuôi dưỡng con chung: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo cho ông T về yêu cầu được nuôi dưỡng con chung của bà C nhưng ông T không có ý kiến. Tòa án đã ghi nhận ý kiến của 02 cháu Sơn Lê Bình M, Sơn Lê Thành Đ và các cháu có nguyện vọng được sống cùng với mẹ là bà C. Từ những lý do trên nên yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và Sơn Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017 sau khi ly hôn của bà C là có cơ sở chấp nhận, giao con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và S Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017 cho bà C trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, ghi nhận sự tự nguyện của bà C không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[5] Về tài sản chung: Bà C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về nợ chung: Bà C xác định không có.

[7] Về án phí: Bà C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Đức là phù hợp nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014;

- Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Lê Thị Ngọc C được ly hôn với ông Sơn Ngọc T.

2. Về con chung: Bà Lê Thị Ngọc C và ông Sơn Ngọc T có 02 con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và Sơn Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017.

Bà Lê Thị Ngọc C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung tên Sơn Lê Bình M sinh ngày 23/5/2012 và Sơn Lê Thành Đ sinh ngày 05/8/2017. Ghi nhận sự tự nguyện của bà Lê Thị Ngọc C không yêu cầu ông Sơn Ngọc T cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con. Việc cấp dưỡng nuôi con có thể thay đổi khi có lý do chính đáng.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Thị Ngọc C xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Bà Lê Thị Ngọc C xác định không có.

5. Về án phí: Bà Lê Thị Ngọc C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng bà Lê Thị Ngọc C đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2023/0001406 ngày 12/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thủ Đức. Bà Lê Thị Ngọc C đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008, đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân TP.HCM;

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- VKS nhân dân TP.HCM;
- VKS nhân dân TP.Thủ Đức;
- Chi cục THADS TP.Thủ Đức;
- Cơ quan đã thực hiện
việc đăng ký kết hôn
- Các bên đương sự;
- Lưu văn phòng, hồ sơ.

THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Lệ Thủy

